

Bản án số: 73 /2019/DS-ST

Ngày 28-11-2019.

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hoàng.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tiến.**

2. Ông **Nguyễn Văn Sanh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28.11.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2019/TLST-DS ngày 09/09/2019 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-DS ngày 09/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2019/QĐT-DS ngày 29/10/2019 giữa:

- **Nguyên đơn** : Công ty **TNHH MTV Tropical R** – Địa chỉ: Lô 1+2, đường An T, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Ngọc T** – Sinh năm 1959.(Có mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Trương Ngọc Quỳnh N**– Sinh năm: 1998; Địa chỉ: Số 35 Hoàng D, phường Phước N, quận Hải C, thành phố Đà N.(Vắng mặt không có lý do).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trương Ngọc T** – Địa chỉ: 35 Hoàng D, phường Phước N, quận Hải C, thành phố Đà N (Vắng mặt không có lý do).

Bà **Phạm Thị Hà Q** (chức vụ: quản lý khách sạn LemonT) – Địa chỉ: 233/1 Núi T, phường Hòa Cường B, quận Hải C, thành phố Đà N. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, ông Hồ Ngọc T đại diện theo pháp luật trình bày:

Bà Trương Ngọc Quỳnh N có đặt phòng lưu trú tại khách sạn LemonT trên trang Booking.com, trong thời gian lưu trú từ ngày 08/6 đến ngày 11/7/2019 nhân viên khách

sạn có yêu cầu thanh toán và đặt cọc tiền phòng nhưng bà N có hẹn, sau nhiều lần nhắc nhở thì bà N có đặt cọc 500.000 ngàn đồng tiền mặt và nói chỉ đặt phòng hộ, sẽ có đi đến thanh toán. Đến ngày trả phòng tổng số tiền là $25.127.000 - 500.000 = 24.627.020\text{đ}$, nhân viên yêu cầu thanh toán thì bà N và bạn của bà N nói lát nữa sẽ có người đến thanh toán sau, bây giờ phải có việc đi gấp, nhân viên khách sạn khách sạn không cho đi thì N có để lại một xe máy Atila đỏ (không có giấy tờ xe và khóa xe), hành lý và ba chứng minh nhân viên cùng số điện thoại của chị L – người sẽ thanh toán, bà N có nói tý nữa sẽ quay lại và địa chỉ bà N ở Đà N nên nhân viên yên tâm cho đi.

Sau đó không thấy bà N quay lại và nhân viên có gọi điện thoại nhắc nhở đến thanh toán thì N hẹn sẽ nói đi và chỉ đến thanh toán. Sau nhiều ngày và nhiều lần điện thoại nhắc nhở mà bà N không đến, nhân viên khách sạn đã điện thoại liên lạc được với một số điện thoại mà N đã để lại (bạn Nguyễn T), bạn này đã chỉ địa chỉ nhà của N và nhân viên có đến nhà gặp N, yêu cầu gặp cha mẹ của N để làm việc. Ngày 30/7/2019, N đến khách sạn, nhân viên yêu cầu N liên lạc với gia đình nếu không có khả năng thanh toán thì N vẫn không chịu, bà N đồng ý ký vào giấy nợ và hẹn ba ngày sau thanh toán, nhưng qua ba ngày bà N vẫn không thanh toán được nên phía khách sạn có yêu cầu bà N đến khách sạn làm việc lại thì bà N nói bận đủ kiểu, nhân viên khách sạn phải đến nhà đón bà N mới chịu qua. Sau nhiều lần yêu cầu N liên lạc với gia đình và N đã gọi cho ba là ông Trương Ngọc T và ông T hẹn sẽ trả nợ sau ba ngày nữa. Sau khi ký giấy ông T có xin cho N được lấy xe và hành lý về thì nhân viên tin tưởng ông là người có trách nhiệm nên đã trả xe và hành lý cho bà N chờ ngày bà N đến thanh toán theo đúng hẹn.

Nhưng đến nay đã quá thời hạn trong giấy cam kết mà bà N và ông T vẫn chưa đến thanh toán dù nhân viên đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở. Nay Công ty TNHH MTV Tropical R yêu cầu bà N phải trả số tiền 24.627.000đ.

-Bị đơn: Tại Hồ sơ vụ án Bà Trương Ngọc Quỳnh N ý kiến: Bà N xác nhận có đặt phòng tại khách sạn LemonT địa chỉ 01 An T từ ngày 08/6/2019 đến ngày 19/7/2019 với tổng số tiền là $25.127.000 - 500.000$ (tiền đặt cọc) = 24.627.020đ (Hai mươi tư triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm hai mươi đồng). Có viết giấy xác nhận nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có bản khai và cam kết sẽ thanh toán đủ số tiền trên trong vòng mười ngày (09/10/2019 đến 19/10/2019). Nếu không thanh toán đầy đủ và đúng hẹn nêu trên tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan : Bà Phạm Thị Hạ U là quản lý khách sạn trình bày:

Bà Trương Ngọc Quỳnh N là quản lý khách sạn bà thống nhất nhất trí với lời trình bày của Nguyên đơn, bà N có đặt phòng qua trang web Booking.com và trú tại khách sạn LemonT của chúng tôi. Nhưng khi nhân viên yêu cầu thanh toán tiền phòng thì bà N nhiều lần hẹn sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Nay tôi mong quý Tòa án giúp đỡ xét xử để yêu cầu bà N trả đủ số tiền là 24.627.000 đồng cho khách sạn.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Ngọc T đã được Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trương Ngọc T đều vắng mặt; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến của mình đối với yêu cầu người khởi kiện. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Ngọc Quỳnh N có nơi cư trú tại địa chỉ: 35 Hoàng D, phường Phước N, quận Hải C, thành phố Đà N là bị đơn nên vụ án do Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về giao dịch dân sự về “Yêu cầu thực hiện trả tiền” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà Trương Ngọc Quỳnh N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Ngọc T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy xác nhận nợ của bà N vào ngày 30/7/2019 với số tiền 24.627.000 là tiền thuê khách sạn từ ngày 08/6/2019 đến ngày 19/7/2019 nhưng bà N không Thanh Toán, trong thời gian trên nhân viên khách sạn bà U đã nhiều lần đôn đốc thì bà N có viết giấy hẹn thanh toán số tiền trên vào ngày 02/8/2019 sẽ trả nhưng đến thời gian trên vẫn chưa trả; bà U tiếp tục đôn đốc nhiều lần yêu cầu trả số tiền trên thì bị đơn chạy lý đồng thời ông T cha bà N cũng cam kết xin trả số tiền trên vào ngày 06/8/2019 nhưng cũng không trả và đến ngày 09/9/2019 Nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án buộc bà N trả số tiền trên, Tuy nhiên trong quá trình giải quyết bà N hẹn tiếp sẽ trả số tiền trên từ ngày 09/10/2019/ đến 19/10/2019 nhưng đến thời điểm hiện nay vẫn chưa trả cho bị đơn. Như vậy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết.

Nay đại diện Nguyên đơn Yêu cầu Tòa án buộc bà N trả số tiền 24.627.000 đồng. HĐXX xét thấy là có cơ sở nên cần được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 116, 117, 119 và Điều 280 Bộ luật Dân sự.

Đối với Ông Trương Ngọc T Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T nhưng ông vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi được lời khai, ý kiến của ông T. Do vậy, HĐXX xét thấy ông T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

[3]. Về án phí: Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí; bà Trương Ngọc Quỳnh N phải chịu : 1.231.350 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi một ngàn ba trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 116,117,119 và Điều 280, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Tropical R đối với bà Trương Ngọc Quỳnh N.

Xử: Buộc bà Trương Ngọc Quỳnh N thanh toán cho Công ty TNHH MTV Tropical R số tiền 24.627.000 đồng .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc **Công ty TNHH MTV Tropical R** có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) mà **bà Trương Ngọc Quỳnh N** không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Ngọc Quỳnh N phải chịu: 1.231.350 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi một ngàn ba trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho **Công ty TNHH MTV Tropical R** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 616 000 đồng (Sáu trăm mười sáu ngàn đồng y) theo biên lai thu số 0007445 ngày 08/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tropical R và bà Phạm Thị Hạ U có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn **Trương Ngọc Quỳnh N**, người có quyền lợi liên quan ông **Trương Ngọc T** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng